TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TQ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- H1 P**

Bản án số: 12a /2025/DS-ST

Ngày 16/6/2025

"Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TQ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị T PH - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh TQ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TQ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024, về việc *''Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất''*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05a/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Bà Đinh Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 12, phường PT, thành phố TQ, tỉnh TQ, có mặt.

**** Đồng bị đơn:***

1. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ, có mặt.

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn NN, huyện NN, tỉnh TQ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, N vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện CH, tỉnh TQ; địa chỉ: Thị trấn VL huyện CH, tỉnh TQ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện CH. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện CH, tỉnh TQ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn BP, xã TB, huyện LB, tỉnh TQ; vắng mặt;

3. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ VK, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ; vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 3, phường HT, thành phố TQ, tỉnh TQ; có mặt.

5. Bà Đinh Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 11, phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ; có mặt.

6. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 01, phường YL, thành phố TQ, tỉnh TQ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Đinh Thị C, Đinh Thị N, Đinh Thị H1, bà Đinh Thị P, Đinh Văn C, Đinh Văn K là bà Đinh Thị H, sinh năm 1970, Địa chỉ: Tổ 12, phường PT, thành phố TQ, tỉnh TQ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:*

Bố bà là cụ Đinh Văn C1, sinh năm 1927 (đã chết năm 1979) và mẹ bà là cụ Vũ Thị C2, sinh năm 1940 (chết năm 2001), bố mẹ bà H chết không để lại di chúc. Bố mẹ bà sinh được 07 người con là bà Đinh Thị C, sinh năm 1961, bà Đinh Thị N, sinh năm 1963, bà Đinh Thị H1, sinh năm 1965, bà Đinh Thị P, sinh năm 1967, bà là Đinh Thị H, sinh năm 1970, ông Đinh Văn C, sinh năm 1972, ông Đinh Văn K, sinh năm 1976, bố mẹ bà không có con riêng, không có con nuôi. Khi còn sống bố mẹ bà khai phá được một thửa đất, có diện tích khoảng 211,7m^2, trong đó có 120 m^2 đất ở tại đô thị, 91m^2 đất trồng cây lâu năm. Khi bố mẹ bà chết thửa đất này chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đã được kê khai phải sổ địa C.

Trên nền đất bố mẹ bà dựng một ngôi nhà gỗ và bếp, 07 chị em bà đều sinh ra và lớn lên từ đây. Bố bà chết năm 1979 không có di chúc, mẹ bà chết năm 2001 không để lại di chúc. Em trai bà là Đinh Văn K kết hôn với chị Hà Thị T, vợ chồng K, T ở chung với mẹ tôi trên ngôi nhà đó, sau đó vợ chồng K - T đã dỡ bỏ ngôi nhà gỗ và bếp đó đi để làm lại căn nhà cấp 4, khi làm lại nhà có sự đồng ý của 6 chị em bà. Đến năm 2007, vợ chồng Đinh Văn K và Hà Thị T đã tự ý kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/4/2007, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện CH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T. Khi vợ chồng K - T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 6 chị em tôi hoàn toàn không biết. Đến năm 2018 bà yêu C họp gia đình thống nhất để phân chia di sản của bố mẹ để lại, thì bà mới biết vợ chồng K - T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu C chia di sản tài sản bố mẹ bà để lại theo đúng quy định của Pháp luật, nhưng bà Hà Thị T (là vợ cũ của ông Đinh Văn K) không đồng ý.

Do vậy bà H yêu C Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện

CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T và yêu C chia di sản thừa kế là lô đất do bố mẹ bà là ông Đinh Văn C1 và bà Vũ Thị Chám khi chết để lại. Trị giá thửa đất theo kết quả định giá ngày 03/4/2025 là 242.523.600đ *(hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng),* chia đều cho 07 anh chị em bà, các đồng thừa kế đã thống nhất, nhất trí để một mình bà H đứng tên chủ sở hữu diện tích đất đó và bà sẽ có trách nhiệm trả tiền cho các đồng thừa kế khác.

Ngôi nhà xây và các công trình phụ trên mảnh đất, là của vợ chồng K - T xây dựng, đây là tài sản chung của vợ chồng ông K – bà T. Nên bà H yêu C Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì đây là đất của bố mẹ bà nên khi chia bà yêu C chia cho ông K sử dụng toàn bộ ngôi nhà và công trình phụ, ông K sẽ có trách nhiệm bù phần chênh lệch cho bà T ½ giá trị.

** Bị đơn ông Đinh Văn K trình bày:*

Bố ông K là cụ Đinh Văn C1, sinh năm 1927 (đã chết năm 1979) và mẹ ông là cụ Vũ Thị Chám, sinh năm 1940 (chết năm 2001), bố mẹ ông K chết không để lại di chúc. Bố mẹ ông sinh được 07 người con là bà Đinh Thị C, sinh năm 1961, bà Đinh Thị N, sinh năm 1963, bà Đinh Thị H1, sinh năm 1965, bà Đinh Thị P, sinh năm 1967, bà Đinh Thị H, sinh năm 1970, ông Đinh Văn C, sinh năm 1972 và ông Đinh Văn K, sinh năm 1976, bố mẹ ông không có con riêng, không có con nuôi. Khi còn sống bố mẹ ông K khai phá được một thửa đất, có diện tích khoảng 211,7m^2, trong đó có 120 m^2 đất ở tại đô thị, 91m^2 đất trồng cây lâu năm. Khi bố mẹ ông chết thửa đất này chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đã được kê khai phải sổ địa C. Trên nền đất bố mẹ ông dựng một ngôi nhà gỗ và nhà bếp, 07 chị em ông đều sinh ra và lớn lên từ đây. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Năm 2004 ông kết hôn với bà Hà Thị T (đã ly hôn năm 2015), vợ chồng ông ở với mẹ ông trên diện tích đất này. Vì nhà đã mục nát nên vợ chồng ông đã dỡ bỏ để làm lại căn nhà cấp 4 và có sự đóng góp của các anh chị ông. Đến năm 2007, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình nên vợ chồng ông đã tự ý kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/4/2007, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện CH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 mang tên vợ chồng ông K. Các anh chị của ông K không biết việc vợ chồng ông tự ý kê khai đất của bố mẹ để cấp riêng cho vợ chồng ông. Đến năm 2018 bà Đinh Thị H yêu C họp gia đình thống nhất để phân chia di sản của bố mẹ để lại, thì bà mới biết vợ chồng tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H và các đồng thừa kế khác yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T và yêu C chia di sản tài sản bố mẹ bà để lại theo quy định của Pháp luật, ông hoàn toàn nhất trí. Trị giá thửa đất theo kết quả định giá ngày 03/4/2025 là

242.523.600đ *(hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng),* chia đều cho 07 anh chị em ông, ông nhất trí để một mình bà Đinh Thị H đứng tên chủ sở hữu và bà H sẽ có trách nhiệm trả tiền cho các đồng thừa kế khác.

Ngôi nhà xây và các công trình phụ trên mảnh đất, là của ông K và bà T xây dựng, đây là tài sản chung của ông và bà T. Nên ông yêu C Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì đây là đất của bố mẹ ông nên khi chia ông yêu C giao cho bà H sử dụng toàn bộ ngôi nhà và công trình phụ và sẽ có trách nhiệm bù ½ trị giá phần chênh lệch cho bà T. Ông nhất trí theo kết quả định giá ngày 03/4/2025, tổng giá trị là 62.999.756 đồng.

Về tiền thuê nhà: ông và bà T đã thỏa thuận được với nhau, số tiền cho thuê nhà là 36.000.000 đồng *(ba mươi sáu triệu đồng)* ông nhờ bà H đã trả đủ cho bà T 18.000.000 đồng. Ông và bà T đã giải quyết xong yêu C Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của bị đơn - bà Hà Thị T: Bà đã nhận được thông báo số 21/TB – TLVA ngày 04/11/2024 của Toà án nhân dân tỉnh TQ về việc bà Đinh Thị H sinh năm 1970 khởi kiện về việc tranh chấp di sản thừa kế và yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nội dung khởi kiện, bà T có ý kiến như sau: Thửa đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà là Hà Thị T. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông K (bố mẹ chồng cũ) của bà T để lại. Khi bà kết hôn với ông K thì bố mẹ chồng bà đã chết, còn ông K vẫn sử dụng thửa đất đó từ năm 2004 và cho đến năm 2015 bà và ông K ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà sinh được một người con sinh năm 2005 và tạo lập xây một căn nhà cấp 4. Hiện nay ông K đang sử dụng và cho thuê.

Về yêu C huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không nhất trí vì khi bố mẹ ông K còn sống, ông K ở cùng bố mẹ, trong khi đó các anh, chị của ông K đã xây dựng gia đình và ở riêng. Đến năm 2007 Uỷ ban nhân dân huyện CH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và ông K. Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh, chị của ông K không có ý kiến gì, không có tranh chấp gì. Đến nay tôi và ông K ly hôn thì phát sinh yêu C huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu C chia thừa kế về quyền sử dụng đất mà bà T và ông K đã được cấp giấy chứng nhận, bà T hoàn toàn không nhất trí. Uỷ ban huyện CH đã làm đầy đủ các thủ tục đúng theo quy định pháp luật.

Về tài sản và các công trình phụ và kiến trúc trên đất: Có 01 ngôi nhà cấp IV và các công trình phụ là do công sức của bà và ông K. Đề nghị Toà giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về khoản tiền mà ông K sử dụng căn nhà chung vợ chồng cho thuê từ năm 2015 cho đến nay tổng số tiền là 36.000.000 đồng, ông K đã trả cho bà 18.000.000 đồng, bà đã nhận đủ số tiền nên bà không yêu C Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của người có quyền lợi, N vụ liên quan trình bày:*

- Bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị C, bà Đinh Thị H1, bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn C cùng thống nhất nội dung trình bày: Về quan hệ huyết thống như

nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày là đúng. Ngoài quan hệ huyết thống và hàng thừa kế nguyên đơn vừa trình bày, không còn thừa kế nào khác. Về yêu C khởi kiện, đều nhất trí với khởi kiện của bà H yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T. Về yêu C chia di sản của nguyên đơn, các ông bà đều từ chối nhận di sản thừa kế, đều tự nguyện tặng cho bà Đinh Thị H (là nguyên đơn trong vụ án) và để bà H được toàn quyền đứng tên, quản lý, sử dụng và định đoạt theo quy định pháp luật. Ngoài ra không còn yêu C và ý kiến gì khác.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện CH, tỉnh TQ: Hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T được Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, cấp ngày 23/4/2007. Diện tích thửa đất 211,7m^2 , trong đó: Đất ở tại đô thị là 120 m^2, đất trồng cây lâu năm là 91,7 m^2. Địa chỉ thửa đất: Tổ A2 (nay là tổ VG), thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ.

1. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Để thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 2003 và cá Nghị Định: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của C phủ về thi hành Luật Đất đai, Quyết định số 24/2024/QĐ-BTNM ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và môi trường về ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh TQ ban hành quy định hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh TQ; Hướng dẫn số 427/HD-TNMT ngày 14/10/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TQ hướng dẫn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia định, cá nhân và cộng đồng dân cư đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh TQ.

2. Về kê khai, đo vẽ, lập hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất: Ngày 06/3/2006 hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 01 thửa đất. Diện tích thửa đất 211,7m^2, trong đó: Đất ở tại đô thị là 120 m^2, đất trồng cây lâu năm là 91,7 m^2. Hộ gia đình kê khai nguồn gốc sử dụng đất đới với thửa nêu trên là đất do bố mẹ khai phá năm 1978, đế năm 2001 mẹ qua đời để lại cho con sử dụng đến nay. Ngày 08/12/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Uỷ ban nhân dân thị trấn VL tiến hành kiển tra hiện trạng thửa đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, đo vẽ thửa đất xin cấp Giấy *(sơ đồ trích do thửa đất tỉ lệ 1/400 và đại diện hộ giáp biên đã ký nhận)*. Ngày 09/04/2007, Uỷ bân nhân dân thị trấn VL xác nhận tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T.

Kết quả thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường: ngày 18/4/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CH đã thẩm tra và xác nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đinh Văn K và bà Hà

Thị T đủ điều kiện cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích thửa đất 211,7m^2, trong đó: Đất ở tại đô thị là 120 m^2, đất trồng cây lâu năm là 91,7 m^2 và in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm hồ sơ. Ngày 23/4/2007, Uỷ ban nhân dân huyện đã ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152)*.

Như vậy, theo quy định pháp luật đất đai thì trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T.

3. Về việc giải quyết nội dung khởi kiện: Ngày 06/3/2006 hộ ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện CH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, ngày 23/4/2007, Qua trình thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T đã thực hiện đảm bảo theo quy định về trình tự thủ tục.

Việc bà Đinh Thị H khởi kiện yêu C tòa án giải quyết việc tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Đinh Thị H với bị đơn ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TQ giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2025 thể hiện: Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất: tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ, hiện do ông Đinh Văn K đang sử dụng có diện tích đo đạc thực tế là 190,1 m^2 (trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung; 175,2 m^2 ông Đinh Văn K đang sử dụng).

Kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 03/4/2025 thể hiện:

Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất: tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ, hiện do ông Đinh Văn K đang sử dụng trị giá là 242.523.600đ *(hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng)*.

- Vật kiến trúc trên Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có tổng trị giá là 62.999.765 đồng *(sáu mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Đinh Thị H giữ nguyên các yêu C khởi kiện và trình bày: Bà các đồng thừa kế khác yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T; yêu C chia di sản là quyền sử dụng đất do bố mẹ bà H để lại theo quy định của Pháp luật. Trị giá thửa đất theo kết quả định giá ngày 03/4/2025 là 242.523.600đ *(hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng),* chia đều cho 07 anh chị em bà và các đồng thừa kế đều nhất trí để cho bà đứng tên chủ sử

dụng đất, bà H sẽ có trách nhiệm trả tiền hoặc chia đất cho các đồng thừa kế khác.

Ngôi nhà xây và các công trình phụ trên thửa đất bố mẹ bà H để lại, là do ông K, bà T xây dựng. Bà H yêu C Tòa án giải quyết, trả lại trị giá ngôi nhà là 62.999.765đ, ông K và bà T mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản chung trên đất = 31.499.882đ. Vì bà H đề nghị đứng tên chủ sử dụng đất, nên đề nghị giao cho bà H sở hữu ngôi nhà xây cấp 4 và công trình phụ trên đất, bà H có trách nhiệm bù phần chênh lệch cho bà T và ông K.

Về tiền thuê nhà: Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K và bà T đã thỏa thuận được với nhau, số tiền cho thuê nhà là 36.000.000 đồng *(ba mươi sáu triệu đồng)* ông K đã nhờ bà chuyển cho bà T 18.000.000 đồng, số tiền này bà và ông K tự thoả thuận không yêu C Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Đinh Văn K trình bày: Ông K nhất trí với yêu C khởi kiện của bà H, nhất trí ý kiến của bà H và các đồng thừa kế khác. Về phần huỷ giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông là Đinh Văn K và bà Hà Thị T, ông K đồng ý với đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì đây là đất của bố mẹ ông K khi chết để lại, bố mẹ ông K không có di chúc cho ai, nhưng vì ông K ở cùng mẹ, nên ông K và bà T tự ý đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có sự nhất trí của các đồng thừa kế khác là không đúng theo quy định của pháp luật. Khi huỷ giấy ông K nhất trí để bà H đứng tên, ông K cũng như các đồng thừa kế khác từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng. Về ngôi nhà xây cấp IV và công trình phụ, vật kiến trúc trên đất là của ông K và bà T, nay ông K nhất trí giao nhà cho bà H sở hữu, bà H có trách nhiệm hoàn trả trị giá ngôi nhà cho ông K, bà T số tiền là 62.999.765đ, ông K và bà T mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản chung trên đất = 31.499.882đ. Về tiền thuê nhà tôi và bà T đã giải quyết xong nên không yêu C Toà án giải quyết.

Các đồng thừa kế khác, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị C, bà Đinh Thị H1, bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn C cùng thống nhất nội dung trình bày, nhất trí với yêu C khởi kiện và ý kiến của bà H và ông K, không sửa đổi, bổ sung thêm nội dung gì.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Chiên Hóa, tỉnh TQ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp

luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và N vụ của mình.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều: 611, 613, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành C; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu C khởi kiện của bà Đinh Thị H:

- Chấp nhận yêu C huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, địa chỉ thửa đất tại tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ.

- Chấp nhận yêu C chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 (theo kết quả đo đạc là 190,1m^2 trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung, còn diện tích thực tế 175,2 m^2) UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, địa chỉ thửa đất tại tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Do các đồng thừa kế thống nhất để bà H đứng tên trên mảnh đất có tranh chấp và từ chối nhận di sản, không yêu C bà H trả trị giá phần thừa kế được hưởng, nên đề nghị giao cho bà Đinh Thị H được quyền sử dụng đất, ký hiệu thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ với diện tích 211,7m^2 (*Theo kết quả đo đạc là 190,1m^2, trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung, còn diện tích thực tế* ***175,2*** *m^2*) bà H không có N vụ thanh toán tiền giá trị đất cho những người thừa kế còn lại.

Bà H có quyền, N vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

Về chia tài sản chung của ông K và bà T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do yêu C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Văn K và chị Hà Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản nhưng bà Đinh Thị H tự nguyện chịu không yêu C ông K và bà T phải chịu. Bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung nguyên đơn bà Đinh Thị H yêu C tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế và yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là Quyết định cá biệt), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TQ, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32, Điều 34 Luật Tố tụng hành C.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Hà Thị T và đại diện Ủy ban nhân dân huyện CH vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về hàng thừa kế:*

Cụ Đinh Văn C1, sinh năm 1927 (đã chết năm 1980) và cụ Vũ Thị Chám, sinh năm 1940 (chết năm 2001). Cụ C1 và cụ Chám sinh được 07 người con là bà Đinh Thị C, sinh năm 1961, bà Đinh Thị N, sinh năm 1963, bà Đinh Thị H1, sinh năm 1965, bà Đinh Thị P, sinh năm 1967, bà Đinh Thị H, sinh năm 1970, ông Đinh Văn C, sinh năm 1972 và ông Đinh Văn K, sinh năm 1976, cụ C1 và cụ Chám không có con riêng, không có con nuôi, khi chết không để lại di chúc gì.

Thời điểm mở thừa kế: Cụ C1 chết năm 1980, đến nay đã 45 năm như vậy đã hết thời hiệu khởi kiện; cụ Chám chết năm 2001, đến nay đã được 24 năm, thời điểm mở thừa kế năm 2001, hàng thừa kế thứ nhất gồm có 07 người: Bà Đinh Thị N, Đinh Thị C, Đinh Thị H1, Đinh Thị P, Đinh Thị H, Đinh Văn C, Đinh Văn K.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Theo chứng tử số 54/TLKT ngày 23/8/2023 thể hiện cụ Đinh Thị C1, sinh năm 1927, chết ngày 04/02/1980; trích lục khai tử số 55/TLKT ngày 23/8/2023 thể hiện cụ Vũ Thị Chám, sinh năm 1940, chết ngày 05/8/2001.

Theo hướng dẫn tại giải đáp số 01/GĐ - TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành C thì từ ngày 01/01/2017, Tòa án áp

dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu C chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Đối với cụ C1 thì thời hiệu khởi kiện đã hết (43 năm), đối với cụ Chám, cụ Chám chết năm 2001 đến ngày 04/11/2024 nguyên đơn bà Đinh Thị H là con chung của cụ C1, cụ Chám có đơn khởi kiện yêu C chia di sản thừa kế của cụ Chám vẫn còn thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[5] *Đối với yêu C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

- Thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 (theo kết quả đo đạc là 190,1m^2, trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung, còn diện tích thực tế **175,2** m^2) do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, địa chỉ thửa đất tại tổ VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ: Nguyên đơn bà Đinh Thị H, bị đơn ông Đinh Văn K, bà Hà Thị T và những người có quyền lợi, N vụ liên quan là bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị C, bà Đinh Thị H1, bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn K đều xác nhận do bố mẹ là cụ C1 và cụ Chám khai phá, khi chết để lại không có di chúc, các đồng thừa kế đều nhất trí chia kỷ phần theo quy định của pháp luật. Riêng ý kiến của Hà Thị T, bà không nhất trí với yêu C của nguyên đơn vì bà cho rằng chồng bà đã sống với bố mẹ nên khi bố mẹ chồng bà chết diện tích đất đó là của chồng và bà; ông K và bà đã được ủy ban nhân dân huyện CH cấp giấy theo đúng trình tự thủ tục. Bà T cho rằng, đây là đất của vợ chồng bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và các tài liệu do Ủy ban nhân dân huyện CH cung cấp thể hiện, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 cho ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T là đúng theo trình tự thủ tục. Ủy ban nhân dân huyện CH cũng thừa nhận về nguồn gốc đất là cụ C1 và cụ Chám. Tuy nhiên, cụ C1, cụ Chám chết không để lại di chúc hay hợp đồng tặng cho đất ông K, bà T, việc ông K và bà T tự ý đi làm thủ tục không thông qua các đồng thừa kế khác là không đúng với quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguồn gốc đất là của cụ C1 và cụ Chám khai phá. Cụ C1 chết năm 1980, cụ Chám chết năm 2001, khi chết hai cụ không để lại di chúc gì. Các đồng thừa kế

cũng như chị Hà Thị T (vợ cũ của ông K, đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung) cũng đã thừa nhận đất là của cụ C1 và cụ Chám khai phá khi chết để lại không có di chúc gì. Việc ông K và bà T tự kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đồng thừa kế khác không biết là không đúng với quy định của pháp luật. Đây là những sự kiện không phải chứng minh vì các đương sự đều thừa nhận. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu C khởi kiện của bà H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử sụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 (theo kết quả đo đạc là 190,1m^2, trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung, còn diện tích thực tế 175,2 m^2) do UBND huyện CH cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, địa chỉ thửa đất tổ VG, thị trấn Vịnh Lộc , huyện CH, tỉnh TQ.

[5] *Đối với yêu C chia di sản thừa kế:*

+ *Yêu C chia thừa kế*: Cụ C1, cụ Chám có 07 người con chung gồm bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị C, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị H1, bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn C và ông Đinh Văn K; hai cụ không có con riêng. Thời điểm mở thừa kế của cụ Chám năm 2001, hàng thừa kề thứ nhất gồm 07 người con. Tổng diện tích đất thực tế là **175,2** m^2 có trị giá 242.523.600đ.

Tài sản của cụ C1 là 87,6m^2 đất ở đô thị có trị giá 121.261.800đ, chia 08 phần, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau 10,95m^2 tương đương số tiền 15.157.700đ.

Tài sản và di sản của cụ Chám 01 phần diện tích đất 98,55m^2 (Bao gồm 87,6m^2 + 10,95m^2) tương đương số tiền 136.419.500đ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện CH; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AE 973152 ngày 23/4/2007 do UBND huyện CH cấp tên ông Đinh Văn K bà Hà Thị T, vì vậy cần chia cho 07 người con mỗi người được hưởng 1 kỷ phần bằng nhau 14,07m^2 tương đương số tiền 19.488.500đ.

Như vậy: 07 người con của hai cụ mỗi người được hưởng 25,02m^2 tương đương số tiền **34.646.228đ**. Do 07 anh chị em trong gia đình thống nhất để bà H đứng tên trên mảnh đất có tranh chấp và từ chối nhận di sản, không yêu C bà H trả trị giá phần thừa kế được hưởng, nên bà H không có N vụ thanh toán tiền giá trị đất cho những người thừa kế còn lại.

Bà H có quyền, N vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

+ *Chia tài sản chung trên đất*: Trên diện tích đất tranh chấp có 01 nhà xây cấp IV và các công trình khác có trị giá 62.999.765đ, đây là tài sản chung của ông K và bà T trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì ông K và bà T mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản. Xét thấy các đương sự nhất trí nội dung: ông K và bà T được hưởng trị giá tài sản chung trên đất, nên mỗi người được hưởng ½ = 31.499.882đ.

Vì tài sản xây dựng trên đất của cụ C1, cụ Chám, vì các đồng thừa kế đều cùng thống nhất từ chối hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và cùng đề nghị cho bà Đinh Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên giao cho bà H được sử dụng toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất và H nhận trả tiền chênh lệch cho ông K và bà T, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông K và bà T mỗi người 31.499.882đ (Làm tròn số 31.500.000đ).

Về tiền thuê nhà: Tổng số tiền thuê nhà là 36.000.000 đồng, anh K và chị T đã tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn yêu C tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án đã tiến hành thành lập hội đồng để thẩm định và định giá tài sản chi phí hết 10.388.000đ *(mười triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng)*. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đã nộp đủ) nên các đồng thừa kế khác không phải chịu chi phí tố tụng.

[7] Về án phí: Các đồng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà C, bà N, bà H1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự: bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn C, Đinh Văn K, Hà Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch theo quy định; Do các đương sự: bà Đinh Thị P, ông Đinh Văn C, Đinh Văn K nhường phần di sản (Đất) được hưởng, nên bà Đinh Thị H phải chịu phần án phí phải chịu của bà P, ông C, ông K.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 611, 613, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành C;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **1.** Chấp nhận toàn bộ yêu C khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc: Yêu C chia di sản thừa kế và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE973152, thửa số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 211,7m^2 do UBND huyện CH, tỉnh TQ cấp ngày 23/4/2007 mang tên ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T, địa chỉ thửa đất tổ VG, thị

trấn VL , huyện CH, tỉnh TQ.

- Giao cho bà Đinh Thị H được quyền sử dụng đất, ký hiệu thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện CH, tỉnh TQ với diện tích 211,7m^2 (*Theo kết quả đo đạc là 190,1m^2, trong đó có 14,9 m^2 được các hộ gia đình thống nhất là đường đi chung, còn diện tích thực tế* ***175,2*** *m^2*) (Có mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo không tách rời bản án). Tổng trị giá thửa đất bà H được hưởng là 242.523.600đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

Bà Đinh Thị H có N vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật".

- Giao cho bà Đinh Thị H được sử dụng toàn bộ ngôi nhà cấp IV và vật kiến trúc gắn liền với đất (Trên thửa đất diện tích 175,2 m^2 đã giao cho bà H), bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Đinh Văn K và bà Hà Thị T mỗi người 31.499.882đ (Làm tròn số 31.500.000đ).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền là 10.388.000 *(mười triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng)*. Bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị C, bà Đinh Thị N, bà Đinh Thị H1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (Do là người cao tuổi).

Ông Đinh Văn K phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (50% trị giá ngôi nhà được chia) là 1.575.000đ(Một triệu năm trăm bảy lăm nghìn đồng).

Bà Hà Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (50% trị giá ngôi nhà được chia) là 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy lăm nghìn đồng).

Bà Đinh Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*Bao gồm cả phần trị giá đất bà P, ông C, ông K được hưởng nhưng nhường cho bà H*) tổng cộng là 5.196.900đ (Năm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Đối với số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/24 số 0003510 ngày 01/11/2024 là 16.600.000đ, được trừ vào khoản án phí 5.196.900đ (Năm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm đồng), còn lại 11.403.100đ (Mười một triệu bốn trăm linh ba nghìn một trăm đồng) trả lại cho bà Đinh Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm **Nguyễn Thị Kim Thanh** **Ma Hồng Thắng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội (Tòa PT TANDTC tại Hà nội);
- VKSND cấp cao Hà Nội (Viện PT VKSNDTC tại Hà nội);
- VKSND tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm **Nguyễn Thị Kim Thanh** **Ma Hồng Thắng**